

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/4/2020

*“V/v tranh chấp HNGĐ – Xin ly
hôn, nuôi con,”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Mai Hương,

2. Ông Phạm Phước Tâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 617/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc: *“Tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn, nuôi con,”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXX - ST ngày 13 tháng 3 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thoại Tr, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Trần Minh T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Tr có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thoại Tr trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị Tr và anh T có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 24/02/2015. Thời gian đầu vợ chồng yêu thương nhau nhưng hiện nay cuộc sống chung của vợ chồng không

còn hòa hợp, mâu thuẫn trầm trọng, xung đột gia đình thường xuyên xảy ra, mục đích xây dựng gia đình không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm được, vợ chồng đã sống xa nhau gần 01 năm.

Nay, chị Trần Thoại Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Minh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thiên B, sinh ngày 01/9/2016. Hiện con chung đang sống với chị Tr. Khi ly hôn chị Tr yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung theo qui định pháp luật là $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ bản, khoảng 740.000đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, chị Tr thay đổi yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng, chị Tr không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

*** Đối với bị đơn là anh Trần Minh T** đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa xét xử.

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

- + Giấy chứng nhận kết hôn tên Trần Minh T – Trần Thoại Tr (Bản sao);
- + Giấy CMND, sổ hộ khẩu (Bản photo);
- + Trích lục khai sinh tên Trần Thiện B (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Anh Trần Minh T là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại Ấp T, xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh. Anh Trần Minh T đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do; Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trần Minh T.

- Về hôn nhân: Xét thấy Chị Tr và anh T kết hôn, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 24/02/2015. Trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong gia đình làm cho vợ chồng không còn hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cự cãi. Xét thấy hôn nhân giữa chị Tr và anh T là hợp pháp, chị Tr yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ, bởi

vì: mâu thuẫn giữa chị Tr và anh T đã trầm trọng, không ai quan tâm nhau, chị Tr và anh T đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Trong thời gian sống xa nhau, chị và anh T đều có ý hằn gấn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Hiện nay, cả hai người có cuộc sống riêng, điều này cho thấy hôn nhân giữa hai người không đạt được mục đích, đời sống chung không thể kéo dài. Nay, chị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Minh T, xét thấy là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thiên B, sinh ngày 01/9/2016. Hiện con chung đang sống với chị Tr, khi ly hôn chị Tr yêu cầu được nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện con chung do chị Tr nuôi dưỡng, được chăm sóc chu đáo, đang phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống và tinh thần ổn định cho cháu Trần Thiên B, nên Hội đồng xét xử giao con chung cho chị Tr được tiếp tục nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Tr không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

- Án phí: Chị Trần Thoại Tr chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

** Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 35, 39, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thoại Tr.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thoại Tr được ly hôn với anh Trần Minh T.

2. Về con chung: Chị Trần Thoại Tr được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Thiên B, sinh ngày 01/9/2016. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Tr không có yêu cầu.

Anh Trần Minh T được quyền tới thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

4. Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

5. Về án phí: Chị Trần Thoại Tr phải chịu 300.000đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai số 0003705 ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Riêng anh Trần Minh T được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án tỉnh.
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Trung Dũng

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Thị Mai Hương – Phạm Phước Tâm

Huỳnh Trung Dũng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Cao Lãnh, ngày 16 tháng 12 năm 2016

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về vụ án: “*Tranh chấp HNGĐ – Xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản và nợ*”
giữa:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Bích Thủy**, sinh năm 1980;
Địa chỉ: ấp 3, xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Bị đơn: **Nguyễn Văn Hùng**, sinh năm 1978;
Địa chỉ: ấp 3, xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Hội đồng xét xử Hôn nhân sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vĩnh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Châu Quốc Tuấn; Ông Dương Tấn Lợi.

NỘI DUNG

Qua thảo luận, nghị án Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 ý kiến như sau:

* Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh số: 10/2009/PL.UBTVQH ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Bích Thủy và anh Nguyễn Văn Hùng là vợ chồng do không đăng ký kết hôn.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Thủy và anh Hùng: Con chung Nguyễn Văn Phú, sinh ngày 20/5/2005 do chị Thủy trực tiếp nuôi dưỡng; anh Hùng không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Thủy không yêu cầu.

Anh Hùng được quyền đến thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ của ai và cũng không cho ai mượn nợ.

5. Về án phí: chị Nguyễn Thị Bích Thủy phải chịu 200.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 04963 ngày 14/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Đối với anh Hùng được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Biên bản lập xong đã đọc lại, các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và thống nhất ký tên dưới đây.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA

Châu Quốc Tuấn

Dương Tấn Lợi

Nguyễn Thị Vĩnh

